

BÌNH ĐẲNG VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG **dưới góc độ Quyền con người**

*Vũ Thị Minh Chi**

Việc không ngừng xóa bỏ mọi hình thức bất bình đẳng hay phân biệt đối xử là một trong những mục tiêu phấn đấu được chia sẻ trong cả xã hội loài người, cũng là một trong những mục tiêu đầu tiên cần đạt tới của việc thực hiện quyền con người vì mục tiêu phát triển con người. Tuy nhiên, việc phân định rõ một quy định, chế độ hay hành vi mang tính phân biệt có phải là bất bình đẳng hay không thì hoàn toàn không đơn giản. Bài viết phân biệt hai loại bình đẳng cơ hội và bình đẳng kết quả, nêu định nghĩa tham chiếu nhằm xác định nội hàm của phân biệt đối xử từ góc độ nhân quyền và cũng chỉ rõ việc tiếp tục xác định nội hàm của bất bình đẳng là một công việc đòi hỏi sự phấn đấu bền bỉ vì một xã hội công bằng và đạo lý.

Phân biệt giữa bình đẳng và bất bình đẳng

Bình đẳng cũng là một yếu tố cấu thành quyền con người ngang hàng với Tự do, có thể được coi là nguyên tắc thụ hưởng quyền lợi không bị phân biệt đối với người khác, do đó việc *đòi hỏi* nhà nước điều chỉnh sự phân biệt trong đối xử, thực hiện đối xử bình đẳng chính là *quyền bình đẳng*.

Theo nghĩa thông thường nhất có thể được sự nhất trí của tất cả mọi người, bình đẳng là “không bị đối xử phân biệt” nghĩa là “không chịu sự đối xử bất bình đẳng”, tuy nhiên việc phân biệt cụ thể và rõ ràng về như thế nào là bình đẳng, và như thế nào là bất bình đẳng thì lại là vấn đề rất phức tạp, khó phán đoán. Bởi cho dù bình đẳng là “nhận đối xử như nhau” nhưng mọi đối xử khác nhau không phải bao giờ cũng là bất bình đẳng, ngược lại có trường hợp đối xử khác nhau lại liên quan đến

thực hiện bình đẳng. Trong khi đó, đối xử như nhau nhưng có khi vẫn dẫn đến bất bình đẳng. Như vậy, bình đẳng vốn là một vấn đề không đơn giản, không thể hiểu theo nghĩa tuyến tính đơn thuần.

Nếu chỉ coi bình đẳng là việc *đối xử như nhau* một cách máy móc thì phán đoán về bình đẳng và bất bình đẳng thật đơn giản, nhưng nếu như vậy thì đơn cử trong trường hợp bầu cử, việc chủ thể của quyền bầu cử chỉ hạn định ở người trưởng thành mà không cho người chưa trưởng thành bầu cử sẽ lại là bất bình đẳng, bởi người trưởng thành và chưa trưởng thành đều là con người như nhau, đều là công dân như nhau. Cũng giống như vậy, thuế thu nhập đánh với tỷ lệ cao đối với người có thu nhập cao cũng sẽ là bất bình đẳng so với người có thu nhập thấp và những quy định này một cách máy móc sẽ bị coi là vi phạm quyền con người. Rõ ràng là không thể hiểu một cách “thô sơ” như vậy để vận dụng một tiêu chuẩn phán đoán xác

* TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

định được.

Do vậy, mốc phân biệt bình đẳng và bất bình đẳng không đơn giản chỉ là có hay không có sự khác nhau trong đối xử, mà là việc phán đoán xem xã hội có cho phép sự khác nhau đó hay không? Tuy nhiên, sự phán đoán này rất khác nhau tùy từng cá nhân, quốc gia, khu vực và thậm chí cả thời đại nữa. Ví dụ, ngày nay, nếu cùng làm một công việc như nhau nhưng lại phải lĩnh mức lương khác nhau chỉ vì lý do là nam hay nữ thì điều đó được coi là phân biệt đối xử. Tuy nhiên, cho đến khi điều này được quy định rõ trong luật bình đẳng về cơ hội việc làm thì sự chênh lệch về lương giữa nam giới và nữ giới được coi là hoàn toàn bình thường, ngoài lương ra, ở nhiều mặt khác như tuổi về hưu và các chế độ phúc lợi khác cũng có sự cách biệt bất hợp lý giữa nam và nữ. Hoặc quan niệm về vai trò “nam sự nghiệp - nữ gia đình” ngày nay bị cho là phân biệt đối xử (mặc dù quan niệm này chưa phải đã chấm dứt trong quan niệm của nhiều người hiện đại) nhưng lại là quan điểm hoàn toàn hợp lý dưới chế độ phong kiến trong vòng cương tỏa của tư tưởng Nho giáo. Như vậy, sự phán đoán về hợp lý và bất hợp lý rõ ràng là có sự khác nhau tùy thời đại.

Hãy thử xem xét trường hợp trường học chỉ dành riêng cho nữ gọi là trường nữ thực từng tồn tại ở Việt Nam thời thuộc địa và ngày nay còn tồn tại ở nước ngoài như Nhật Bản¹. Nếu nhìn từ quan điểm khác biệt nam nữ, rõ ràng là có sự phân biệt đối xử khi chỉ giới hạn đối tượng

nhập học là nam hoặc nữ. Cũng chính vì lý do đó mà ở Việt Nam, các trường nữ thực dù có truyền thống lâu dài cũng chấm dứt lịch sử “nữ” của mình với việc mở cửa cho cả nam nhập học, còn ở Nhật Bản, một số trường công trước đây có quy định chỉ tuyển sinh viên nam như Đại học Quân sự, Đại học Hàng hải đã phải phá bỏ quy định này kể từ khi Nhật Bản gia nhập Công ước loại bỏ mọi phân biệt đối xử liên quan đến giới. Tuy nhiên, các trường nữ thực có truyền thống hàng trăm năm vẫn tiếp tục tồn tại với quy định chỉ tuyển sinh viên nữ và một vấn đề gây tranh cãi cho các nhà khoa học và giới Luật ở Nhật Bản là, liệu có bất hợp lý hay không khi chấp nhận sự tiếp tục tồn tại của các trường nữ thực, hay nói khác đi là ở đó có lý do gì hợp lý hay không? Về điểm này, ngay giữa các nhà khoa học thuộc ngành Luật vẫn có sự chia rẽ về quan điểm, có người cho rằng đây là sự phân biệt hợp lý nhằm nâng cao địa vị của phụ nữ, nhưng cũng có người có ý kiến ngược lại, cho rằng thời đại ngày nay không còn cho phép sự tồn tại của bất bình đẳng về cơ hội giáo dục đại học giữa nam và nữ, do đó đại học nữ thực công lập là sự phân biệt bất hợp lý. Như vậy, có thể thấy rằng sự phán đoán về phân biệt đối xử đôi khi không đi đến được nhất trí ngay trong số các nhà chuyên môn ngành Luật.

Hoặc giả, liệu có thể phát ngôn rằng “nữ kém thông minh, sắc sảo bằng nam” (“đàn ông nông nổi giêng khời, đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu”), hoặc “những người nghiện hút, người có HIV/AIDS thường hay gây tội phạm”? Đứng trên quan điểm bình đẳng, những phát ngôn loại như vậy rõ ràng thể hiện một thái độ phân biệt đối xử không thể cho phép. Tuy

¹ Ngày nay ở Nhật Bản còn khá nhiều trường đại học, cao đẳng nữ như Đại học nữ Tokyo (Tokyojoshi daigaku), Đại học nữ Nhật Bản (Nihonjoshi daigaku), Đại học nữ Ochanomizu...

nhiên, trong luật pháp hiện nay, không có điều luật nào ngăn cấm phát ngôn kiểu như vậy, vì vậy, những thái độ này, về mặt xã hội rõ ràng là có hại tới quyền con người nhưng về mặt luật pháp vẫn không bị coi là vi phạm quyền con người.

Qua những ví dụ này có thể thấy rằng, đối với việc nhận biết cái gì là bình đẳng, cái gì là không bình đẳng, sự phán đoán rõ ràng là rất khác nhau tùy theo quan điểm của từng người và nội dung của luật pháp. Có thể nói, đường ranh giới phân chia giữa bình đẳng và bất bình đẳng còn rất mơ hồ. Điều đó cũng cho thấy sự phức tạp và khó khăn khi phán xét về bình đẳng. Tuy nhiên, đường ranh giới giữa bình đẳng và phân biệt đối xử cũng thay đổi linh hoạt theo sự biến đổi về nhận thức của con người. Nếu như suy nghĩ của con người phân đôi phân biệt đối xử, thường xuyên hướng tới thực hiện bình đẳng thì đường ranh giới giữa bình đẳng và bất bình đẳng sẽ dần thay đổi theo.

Phân biệt đối xử hợp lý và không hợp lý

Như trên đã đề cập, bình đẳng cũng là một quyền con người và theo nghĩa rộng đó là “nhận được sự đối xử như nhau” và ngược lại với điều này, bất bình đẳng là “nhận sự đối xử khác nhau mà không có lý do hợp lý”. Bình đẳng và bất bình đẳng có mối quan hệ hai mặt trước sau nhưng đường phân chia thì không rõ ràng. Nếu chỉ nói một từ “bình đẳng” thì ý nghĩa của nó không phải đã hoàn toàn rõ ràng. Vì vậy, từ xưa đã có nhiều nhà triết học và luật học từng đau đầu xung quanh vấn đề ý nghĩa của bình đẳng. Chẳng khi nào con người có được (hoặc rất khó) kết luận dứt khoát về bình đẳng nhưng nhìn chung có thể thấy rằng trong bình đẳng có tồn tại

hai hình thái “bình đẳng về cơ hội” (bình đẳng hình thức) và “bình đẳng kết quả” (bình đẳng thực chất).

Bình đẳng cơ hội là đối xử như nhau với tất cả mọi người không tính đến những khác biệt về năng lực và điều kiện của từng người, ngược lại bình đẳng kết quả có ý nghĩa đem lại kết quả như nhau cho mọi người, cho dù có sự khác nhau trong đối xử tùy thuộc vào sự khác nhau về năng lực và điều kiện của từng người. Có thể hình dung rõ hơn về bình đẳng cơ hội và bình đẳng kết quả qua trường hợp thụ hưởng giáo dục². Mọi trẻ em đến tuổi đều được đến trường và cùng tiếp thu một chương trình giáo dục như nhau, tức là cùng một điểm xuất phát, nhưng sau một quá trình học tập với điều kiện (gia đình giàu hay nghèo), năng lực và xu hướng cá nhân (phù hợp hay không phù hợp với chương trình), cũng như mức độ nỗ lực khác nhau, học sinh được phân loại thành học sinh giỏi và học sinh kém, để từ đó con đường mở ra cho họ cũng khác nhau, hoặc học lên đại học ra trường có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoặc không thể tiếp tục học lên mà ra đi làm, với công việc lao động giản đơn, hoặc lao động nặng với thu nhập thấp hoặc không có

² Hoặc rất rõ qua trường hợp chạy thi thể thao. Trong cuộc thi chạy với những người tham gia có độ tuổi già trẻ và sức chạy nhanh chậm hoàn toàn khác nhau nhưng tất cả cùng xuất phát từ một vạch và như vậy là cơ hội như nhau đối với tất cả mọi người. Kết quả của việc chạy từ cùng một vạch xuất phát là sẽ có người về đích nhanh nhất tùy vào bản chân của người đó. Như vậy là trong “bình đẳng cơ hội”, cho dù mọi người đều được bình đẳng ở chỗ có chung một điểm xuất phát nhưng kết quả lại sinh ra sự khác nhau tại điểm đến (đích) và sự khác nhau này không được gọi là bất bình đẳng.

công ăn việc làm ổn định do không có nghề, nghĩa là kết quả sinh ra từ sự bình đẳng ban đầu lại là sự không bình đẳng trên nhiều mặt thu nhập, vị trí xã hội, kiến thức...

Ngược lại, trong “bình đẳng về kết quả”³, có một ví dụ khá phổ biến trong thời bao cấp có chế độ lương bình đẳng kiểu “cào bằng”, mọi người đều được hưởng lương theo ngày công như nhau không tính đến kết quả lao động. Trong chế độ bình đẳng cào bằng này, kết quả là cả người lười làm việc ít và người chăm làm việc nhiều ai cũng được hưởng mức thu nhập như nhau, vì vậy những người lười thường tìm cách trốn tránh công việc (bất bình đẳng về cơ hội) mà thu nhập vẫn không thay đổi (tức là bình đẳng về kết quả). Bình đẳng trong “bình đẳng kết quả” có ý nghĩa đồng nhất ở đích nên cho dù có thiết lập sự sai khác ở điểm xuất phát cũng không gọi là bất bình đẳng. Có thể nói đối với khái niệm “bình đẳng”, luôn có hai quan điểm khác nhau là bình đẳng cơ hội và bình đẳng kết quả.

Áp dụng bình đẳng nào

Tùy từng hoàn cảnh, người ta có thể coi trọng bình đẳng cơ hội hay bình đẳng kết quả, tuy nhiên việc cố gắng để có thể đảm bảo bình đẳng cơ hội trong mọi hoàn cảnh (thực hiện quyền bình đẳng) là một điều gần như không thể trong thực tế. Trong ví dụ về chạy thi, việc tất cả mọi người về đích cùng một lúc dường như chưa bao giờ xảy ra bởi đã chạy thi thì bao

giờ cũng có người thắng (về đích trước) và người thua (về sau). Hơn nữa, trong trường hợp cho dù chạy nhanh hay chậm cũng chỉ có thể về đích cùng một lúc, thì chắc chắn sẽ có những người tìm cách này hay cách khác có lợi cho mình hơn, đỡ hao tổn sức lực hơn, như cố làm ra vẻ chạy chậm để làm ngán lại quãng đường chạy.

Như vậy trong hai loại bình đẳng, nhìn chung, người ta thường nghiêng về bình đẳng cơ hội và khi nói tới bình đẳng, thông thường bình đẳng xã hội thường hay được nghĩ tới với nguyên tắc là bình đẳng cơ hội, tức là, chỉ đảm bảo bình đẳng ở vạch xuất phát còn kết quả là tùy vào năng lực và nỗ lực của từng người.

Tuy nhiên, nếu chỉ bảo đảm bình đẳng cơ hội thì dần dần sẽ dẫn tới xã hội bất bình đẳng. Bởi vì, bình đẳng cơ hội là làm cho sự phân biệt ở đích không trở thành vấn đề. Kết quả là người được ưu đãi một phần về vận may và thực lực sẽ thường xuyên chạy trong nhóm dẫn đầu xã hội, còn những người khác kém may mắn hơn sẽ phải đi theo. Khoảng cách giữa hai loại người này thể hiện rõ rệt nhất ở khía cạnh kinh tế. Trong một xã hội chỉ bảo đảm bình đẳng về cơ hội thì người giàu dùng cái giàu của mình sẽ ngày càng giàu hơn, còn người nghèo thì ngày một nghèo hơn. Như vậy, bình đẳng cơ hội ngược lại sẽ càng làm tăng bất bình đẳng và sẽ không có ý nghĩa bảo đảm bình đẳng.

Với lý do đó, ở nhiều nước, về nguyên lý người ta áp dụng nguyên tắc bình đẳng cơ hội, nhưng bên cạnh đó vẫn quan tâm tới những người yếu thế về khía cạnh kinh tế, xã hội, đặt ra nhiều đối xử phân biệt được gọi là phân biệt đối xử *hợp lý* và sự phân biệt *hợp lý* này không bị coi là bất

³ Trong ví dụ trên, khi những người chạy nhanh và người lớn sẽ xuất phát sau nhường chỗ cho trẻ em và người chạy chậm xuất phát trước để làm sao cho tất cả mọi người cho dù lớn hay bé, có sức chạy nhanh hay chạy chậm đều có thể về đích cùng nhau thì đó được gọi là bình đẳng kết quả.

bình đẳng. Ví dụ, việc áp dụng chế độ thuế cho người có thu nhập cao và trợ cấp cho người nghèo, hay chế độ thuế lũy tiến với tỷ lệ đánh thuế ngày càng tăng theo đà gia tăng thu nhập đối với các xí nghiệp lớn và chế độ hỗ trợ tiền trợ cấp các loại chỉ dành riêng cho các trung tiểu xí nghiệp được coi là sự “đổi xử phân biệt hợp lý”.

Bình đẳng theo nguyên tắc Quyền con người

Vậy bất bình đẳng là gì, đến đây có thể coi bất bình đẳng là “đổi xử khác nhau mà không có lý do *hợp lý*”, hoặc “tiến hành phân biệt đối xử một cách không hợp lý”. Ví dụ, chế độ thuế đánh vào người có thu nhập thấp với mức thuế cao hơn người có thu nhập cao là một sự phân biệt hoàn toàn bất hợp lý, và rõ ràng đó là bất bình đẳng.

Về mặt nguyên lý thì mọi nước đều chủ trương đi đến chỗ xóa bỏ bất bình đẳng và điều này cũng thường được quy định trong hiến pháp. Tuy nhiên, trong bất cứ xã hội nào cũng tồn tại nhiều phân biệt đối xử rất khó xác định được rõ ràng đó là phân biệt hợp lý hay phân biệt bất hợp lý tức là bất bình đẳng. Một trong những ví dụ điển hình cho điều này thường thấy trong quy định của hầu hết các quốc gia về độ tuổi có thể kết hôn sớm nhất chênh nhau giữa nam và nữ ít nhất là 2 năm. Sự chênh lệch này có phải là sự phân biệt đối xử hợp lý hay không?

Thêm một ví dụ tương tự là sự khác biệt giới trong chênh lệch về tuổi nghỉ hưu. Tuổi về hưu được quy định khác nhau đối với nam và nữ nhưng vì sao lại phải có sự khác nhau này. Độ tuổi của nam và nữ khác nhau như vậy có quan hệ như thế nào đối với năng lực của cán bộ viên chức. Những sự khác biệt không rõ

ràng này có thể thấy rất nhiều trong xã hội. Ví dụ có cửa hàng đưa ra quảng cáo “Nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ có quà tặng cho khách hàng nữ”, hoặc “Giảm giá cho khách đi tập thể” (dịch vụ du lịch). Tại sao lại chỉ có khách nữ được tặng quà? Tại sao chỉ có khách đi tập thể mới được giảm giá?

Những phân biệt như vậy khó có thể nói là có lý do hợp lý, nhưng liệu có phải vì thế mà cần triệt bỏ mọi sự phân biệt này khỏi cuộc sống hàng ngày hay không thì lại rất khó có câu trả lời dứt khoát. Trong trường hợp này, có thể sẽ trở nên sáng rõ hơn nếu tham chiếu định nghĩa về phân biệt đối xử quy định trong công ước quốc tế về quyền con người. Ví dụ trong điều 1 của Công ước xóa bỏ phân biệt đối xử về chủng tộc, phân biệt đối xử được định nghĩa là “việc có mục đích hay hậu quả làm cản trở hay gây hại cho sự nhận thức, thụ hưởng hay thi hành quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở lập trường bình đẳng”⁴. Trong Công ước xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ cũng có quy định tương tự. Như vậy, một trong những thước đo đánh giá một quy định nào đó thuộc phạm trù phân biệt hợp lý và không hợp lý hay phân biệt đối xử chính là ở chỗ trong phân biệt đó có mục đích hay kết quả đi tới phủ định quyền con người hay không.

Căn cứ vào tiêu chuẩn này để đánh giá thì chủ trương mang tính phân biệt “Có quà tặng cho khách hàng nữ” và “Giảm giá cho khách hàng tập thể” có lẽ chưa thể gọi là phân biệt đối xử. Bởi vì việc phân biệt này không làm tổn hại trực tiếp đến

⁴ Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Convention for the Elimination of Racial Discrimination).

biệt này không làm tổn hại trực tiếp đến quyền con người của một cá nhân cụ thể nào đó. Tuy nhiên, việc quy định tuổi kết hôn và tuổi về hưu khác nhau giữa nam và nữ rõ ràng là có sự phân biệt đối xử bởi vì quy định tuổi kết hôn khác nhau giữa nam và nữ sẽ gây ra hậu quả là hạn chế tự do hôn nhân (của nữ) và quy định tuổi về hưu khác nhau giữa nam và nữ chính là sự hạn chế thời gian làm việc, xâm phạm tự do về cơ hội việc làm đối với nữ. Do đó, những chế độ, quy định này rõ ràng thuộc phạm trù phân biệt đối xử bởi đó là sự phân biệt không có lý do hợp lý.

Tiếp tục tìm kiếm tiêu chuẩn về bình đẳng

Việc phán đoán về bình đẳng và bất bình đẳng cho dù có căn cứ là định nghĩa về bất bình đẳng theo tiêu chuẩn quốc tế vẫn không phải là một điều đơn giản. Trong khi rất khó để có được một tiêu chí rõ ràng xác định một sự phân biệt nào đó là hợp lý và không hợp lý thì trong xã hội vẫn còn có rất nhiều sự phân biệt với không ít trong đó là những phân biệt cần thiết, buộc phải áp dụng. Điều quan trọng để có thể đưa ra đánh giá đúng đắn chính là phải luôn luôn cân nhắc xem những phân biệt đó có gây tổn hại đến nhân cách và quyền con người hay không. Nếu chỉ nghĩ tới sự cần thiết phải đưa ra những phân biệt vì một lý do nào đó, như nhằm mục đích lợi nhuận, hay thuận lợi cho việc quản lý thì không thể loại bỏ được tận gốc

những phân biệt đối xử.

Có nhiều người thường nhấn mạnh đến sự khác biệt là đương nhiên, và do đó cho rằng bất bình đẳng không hoàn toàn là xấu. Những người có quan niệm như vậy là những người chống lại các biện pháp đặt ra nhằm đối xử ưu tiên, bảo vệ những người kém vị thế trong xã hội, những người thuộc nhóm thiểu số. Việc chấp nhận “sự cách biệt là đương nhiên” sẽ dẫn đến sự ra đời của một xã hội “mạnh được yếu thua”. Chủ trương với bất bình đẳng không hoàn toàn là xấu chính là sự phủ định tư tưởng nhân quyền. Việc thiếu thái độ và cách nhìn xã hội từ góc độ của người kém vị thế trong xã hội sẽ không thể xây dựng được một xã hội giàu tính người.

Bảo đảm duy trì được bình đẳng trong xã hội giống như làm cho một chiếc bập bênh luôn ở thế cân bằng, trong khi vừa tác động hai bên vừa cố gắng giữ cân bằng, thỉnh thoảng cũng cần phải có điều chỉnh. Tuy nhiên, không có phương pháp cũng như tiêu chuẩn tuyệt đối nào cho cách điều chỉnh thực hiện công bằng, vì thế con người sẽ vẫn phải theo đuổi việc tìm kiếm xác định khái niệm gọi là bình đẳng. Điều quan trọng là trong quá trình mang tính thử sai nhằm theo đuổi công bằng, không được bỏ cuộc với sự thỏa hiệp chấp nhận bất bình đẳng là đương nhiên. Để xây dựng một xã hội trong đó có nhiều người cảm thấy bình đẳng cần phải có sự nỗ lực không ngừng vì đạo lý.